| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số:119/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày: 29-11-2019.<br>V/v tranh chấp ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Dương Tấn Hưng.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hươn.
Bà Lê Thị Ánh Sáng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 536/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1983.
- *Bị đơn:* Anh Võ Thế T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, Ấp 4, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Thế T sống chung với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mẫu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là anh T có người phụ nữ khác ở bên ngoài, chị và anh T sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Võ Thế T.

Về con chung: Chị và anh Võ Thế T có 01 con chung tên Võ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/2011. Hiện nay, cháu A đang sống với chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng

được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**2.** Bị đơn anh Võ Thế T trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

**3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/2011 cho chị P nuôi dưỡng; tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa anh T và chị P xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 139, quyển số 20 ngày 10/11/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2013 đến nay chị P và anh T đã sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh T không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ chứng tỏ anh T không quan tâm đến vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị P được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị P và anh T có 01 (một) con chung tên Võ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/2011. Hiện nay, cháu A đang sống cùng chị P và nguyện vọng của cháu A là sau khi ba mẹ ly hôn thì được sống cùng mẹ nên chị P yêu cầu Tòa án giao cháu Võ Thị Phương A cho chị nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng: chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P đối với bị đơn anh Võ Thế T về việc "Tranh chấp ly hôn".

Xử cho chị Lê Thị P được ly hôn với anh Võ Thế T.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Võ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/2011.

Xử giao cháu Võ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/2011 cho chị Lê Thị P được quyền nuôi dưỡng, tạm thời anh Võ Thế T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Thế T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh T. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005301 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị P đã nộp xong).

5. Chị Lê Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Thế T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tấn Hưng**